

Số: 2958 / QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Nghiệm thu khối lượng giờ giảng, thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền
thỉnh giảng (hoạt động giảng dạy) học kỳ I năm học 2022-2023
(Bổ sung lần 1)**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét hợp đồng thỉnh giảng ký kết giữa giảng viên thỉnh giảng và Học viện Nông nghiệp Việt Nam; theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nghiệm thu khối lượng giờ giảng, thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền thỉnh giảng (hoạt động giảng dạy) học kỳ I năm học 2022-2023 (bổ sung lần 1) đối với các giảng viên thỉnh giảng theo danh sách đính kèm.

Tổng số tiền thanh toán: **125.505.000** đồng, trong đó:

1. Số tiền giảng dạy đại học, cao đẳng: 125.505.000 đồng.

2. Số tiền giảng dạy sau đại học: 0 đồng.

Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm lẻ năm ngàn đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và các giảng viên thỉnh giảng có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC(10).



**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN TIỀN GIẢNG DẠY (HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY) HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023
ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG (BỔ SUNG LẦN 1)**

(Kèm theo Quyết định số **2958** /QĐ-HVN ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Giảng dạy ĐH, CĐ		Giảng dạy SĐH		Tổng số		Đã nhận (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
				Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	TG747	Lương Văn	Vượt	34.6	2,768,000			34.6	2,768,000		2,768,000	
2	TG319	Đặng Đình	Trình	167.3	12,547,500			167.3	12,547,500		12,547,500	
3	TG251	Nông Văn	Vin	306.6	22,995,000			306.6	22,995,000		22,995,000	
4	TG288	Đặng Tiến	Hòa	156.9	12,552,000			156.9	12,552,000		12,552,000	
5	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	170.4	13,632,000			170.4	13,632,000		13,632,000	
6	TG593	Trần Như	Khuyên	30.7	2,456,000			30.7	2,456,000		2,456,000	
7	TG567	Lê Thị Minh	Tâm	112.3	8,422,500			112.3	8,422,500		8,422,500	
8	TG208	Hoàng Thị	Hiên	622.1	43,547,000			622.1	43,547,000		43,547,000	
9	TG581	Ngô Thị Thanh	Tâm	87.8	6,585,000			87.8	6,585,000		6,585,000	
		Tổng cộng		1,688.7	125,505,000			1,688.7	125,505,000		125,505,000	

Tổng số tiền thanh toán: 125,505,000 đồng

Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm lẻ năm ngàn đồng./.



**BẢNG CHI TIẾT THANH TOÁN TIỀN GIẢNG DẠY (HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY) HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023
ĐỐI VỚI GIÁNG VIÊN THÌNH GIẢNG (BỔ SUNG LẦN 1)**

(Kèm theo Quyết định số 2958 /QĐ-HVN ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã Chức danh	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Đã nhận (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	TG747	Lương Văn	Vuốt	GVCC và TD	86/HĐTĐ-HVN-CHKT	15/06/2022	LT	K66CKCTM	CD02108	Cơ học lý thuyết 2	30.00	80,000	2,400,000				30.00	2,400,000		2,400,000	
2	TG747	Lương Văn	Vuốt	GVCC và TD	86/HĐTĐ-HVN-CHKT	15/06/2022	GK	K66CKCTM	CD02108	Cơ học lý thuyết 2	1.30	80,000	104,000				1.30	104,000		104,000	
3	TG747	Lương Văn	Vuốt	GVCC và TD	86/HĐTĐ-HVN-CHKT	15/06/2022	CB	K66CKCTM	CD02108	Cơ học lý thuyết 2	3.30	80,000	264,000				3.30	264,000		264,000	
4	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	85/HĐTĐ-HVN-CHKT	15/06/2022	LT	K66CNKTOA	CD02158	Nguyên lý - Chi tiết máy	40.70	75,000	3,052,500				40.70	3,052,500		3,052,500	
5	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	85/HĐTĐ-HVN-CHKT	15/06/2022	GK	K66CNKTOA	CD02158	Nguyên lý - Chi tiết máy	4.80	75,000	360,000				4.80	360,000		360,000	
6	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	85/HĐTĐ-HVN-CHKT	15/06/2022	CB	K66CNKTOA	CD02158	Nguyên lý - Chi tiết máy	11.90	75,000	892,500				11.90	892,500		892,500	
7	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	85/HĐTĐ-HVN-CHKT	15/06/2022	LT	K66CNKTOB	CD02158	Nguyên lý - Chi tiết máy	36.00	75,000	2,700,000				36.00	2,700,000		2,700,000	
8	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	85/HĐTĐ-HVN-CHKT	15/06/2022	GK	K66CNKTOB	CD02158	Nguyên lý - Chi tiết máy	4.20	75,000	315,000				4.20	315,000		315,000	
9	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	85/HĐTĐ-HVN-CHKT	15/06/2022	CB	K66CNKTOB	CD02158	Nguyên lý - Chi tiết máy	10.50	75,000	787,500				10.50	787,500		787,500	
10	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	85/HĐTĐ-HVN-CHKT	15/06/2022	LT	K66CNKTOC	CD02158	Nguyên lý - Chi tiết máy	42.00	75,000	3,150,000				42.00	3,150,000		3,150,000	
11	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	85/HĐTĐ-HVN-CHKT	15/06/2022	GK	K66CNKTOC	CD02158	Nguyên lý - Chi tiết máy	4.90	75,000	367,500				4.90	367,500		367,500	
12	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	85/HĐTĐ-HVN-CHKT	15/06/2022	CB	K66CNKTOC	CD02158	Nguyên lý - Chi tiết máy	12.30	75,000	922,500				12.30	922,500		922,500	
13	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTĐ-HVN-ĐL	10/06/2022	LT	K65CNCDDTA	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	37.00	75,000	2,775,000				37.00	2,775,000		2,775,000	
14	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTĐ-HVN-ĐL	10/06/2022	TH	K65CNCDDTA	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
15	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTĐ-HVN-ĐL	10/06/2022	TH	K65CNCDDTA	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
16	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTĐ-HVN-ĐL	10/06/2022	TH	K65CNCDDTA	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
17	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTĐ-HVN-ĐL	10/06/2022	GK	K65CNCDDTA	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	3.50	75,000	262,500				3.50	262,500		262,500	
18	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTĐ-HVN-ĐL	10/06/2022	CB	K65CNCDDTA	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	8.60	75,000	645,000				8.60	645,000		645,000	
19	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTĐ-HVN-ĐL	10/06/2022	LT	K66CNKTOA	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	25.50	75,000	1,912,500				25.50	1,912,500		1,912,500	
20	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTĐ-HVN-ĐL	10/06/2022	TH	K66CNKTOA	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
21	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTĐ-HVN-ĐL	10/06/2022	TH	K66CNKTOA	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
22	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTĐ-HVN-ĐL	10/06/2022	TH	K66CNKTOA	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
23	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTĐ-HVN-ĐL	10/06/2022	TH	K66CNKTOA	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã Chức danh	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Đã nhận (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)					
24	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	GK	K66CNKTOA	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	4.10	75,000	307,500				4.10	307,500		307,500	
25	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	CB	K66CNKTOA	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	10.10	75,000	757,500				10.10	757,500		757,500	
26	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	LT	K66CNKTOB	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	24.20	75,000	1,815,000				24.20	1,815,000		1,815,000	
27	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	TH	K66CNKTOB	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
28	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	TH	K66CNKTOB	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
29	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	TH	K66CNKTOB	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
30	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	TH	K66CNKTOB	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
31	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	TH	K66CNKTOB	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
32	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	GK	K66CNKTOB	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	3.90	75,000	292,500				3.90	292,500		292,500	
33	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	CB	K66CNKTOB	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	9.60	75,000	720,000				9.60	720,000		720,000	
34	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	LT	K66CNKTOC	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	28.30	75,000	2,122,500				28.30	2,122,500		2,122,500	
35	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	TH	K66CNKTOC	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
36	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	TH	K66CNKTOC	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
37	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	TH	K66CNKTOC	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
38	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	TH	K66CNKTOC	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
39	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	TH	K66CNKTOC	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
40	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	GK	K66CNKTOC	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	4.50	75,000	337,500				4.50	337,500		337,500	
41	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	82/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	CB	K66CNKTOC	CD03351	Truyền động thủy lực & khí nén	11.30	75,000	847,500				11.30	847,500		847,500	
42	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TD	83/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	LT	K65CNKTOA	CD03355	Kết cấu ô tô	30.00	80,000	2,400,000				30.00	2,400,000		2,400,000	
43	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TD	83/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	TH	K65CNKTOA	CD03355	Kết cấu ô tô	15.00	80,000	1,200,000				15.00	1,200,000		1,200,000	
44	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TD	83/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	TH	K65CNKTOA	CD03355	Kết cấu ô tô	15.00	80,000	1,200,000				15.00	1,200,000		1,200,000	
45	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TD	83/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	TH	K65CNKTOA	CD03355	Kết cấu ô tô	15.00	80,000	1,200,000				15.00	1,200,000		1,200,000	
46	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TD	83/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	GK	K65CNKTOA	CD03355	Kết cấu ô tô	3.50	80,000	280,000				3.50	280,000		280,000	
47	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TD	83/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	CB	K65CNKTOA	CD03355	Kết cấu ô tô	8.80	80,000	704,000				8.80	704,000		704,000	
48	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TD	83/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	LT	K65CNKTOA	CD03370	Đồ án kết cấu ô tô	15.00	80,000	1,200,000				15.00	1,200,000		1,200,000	
49	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TD	83/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	CB	K65CNKTOA	CD03370	Đồ án kết cấu ô tô	2.10	80,000	168,000				2.10	168,000		168,000	
50	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TD	83/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	LT	K65CNKTOA	CD03370	Đồ án kết cấu ô tô	15.00	80,000	1,200,000				15.00	1,200,000		1,200,000	
51	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TD	83/HĐTGHV-N-ĐL	10/06/2022	CB	K65CNKTOA	CD03370	Đồ án kết cấu ô tô	2.50	80,000	200,000				2.50	200,000		200,000	

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã		Ngày, tháng, năm	Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Đã nhận (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
				Mã Chức danh	Số, ký hiệu						Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)					
52	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TD	83/HĐTGT-HVN-DL	10/06/2022	LT	K65CNKTOA	CD03370	Đồ án kết cấu ô tô	15.00	80,000	1,200,000				15.00	1,200,000		1,200,000	
53	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TD	83/HĐTGT-HVN-DL	10/06/2022	CB	K65CNKTOA	CD03370	Đồ án kết cấu ô tô	1.90	80,000	152,000				1.90	152,000		152,000	
54	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TD	83/HĐTGT-HVN-DL	10/06/2022	LT	K65CNKTOA	CD03370	Đồ án kết cấu ô tô	15.00	80,000	1,200,000				15.00	1,200,000		1,200,000	
55	TG288	Đặng Tiến	Hòa	GVCC và TD	83/HĐTGT-HVN-DL	10/06/2022	CB	K65CNKTOA	CD03370	Đồ án kết cấu ô tô	3.10	80,000	248,000				3.10	248,000		248,000	
56	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TD	80/HĐTGT-HVN-DL	10/06/2022	LT	K65CNKTOA	CD03356	Hệ thống điện ô tô	47.60	80,000	3,808,000				47.60	3,808,000		3,808,000	
57	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TD	80/HĐTGT-HVN-DL	10/06/2022	GK	K65CNKTOA	CD03356	Hệ thống điện ô tô	3.70	80,000	296,000				3.70	296,000		296,000	
58	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TD	80/HĐTGT-HVN-DL	10/06/2022	CB	K65CNKTOA	CD03356	Hệ thống điện ô tô	9.30	80,000	744,000				9.30	744,000		744,000	
59	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TD	80/HĐTGT-HVN-DL	10/06/2022	LT	K65CNKTOB	CD03356	Hệ thống điện ô tô	45.00	80,000	3,600,000				45.00	3,600,000		3,600,000	
60	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TD	80/HĐTGT-HVN-DL	10/06/2022	GK	K65CNKTOB	CD03356	Hệ thống điện ô tô	3.20	80,000	256,000				3.20	256,000		256,000	
61	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TD	80/HĐTGT-HVN-DL	10/06/2022	CB	K65CNKTOB	CD03356	Hệ thống điện ô tô	8.00	80,000	640,000				8.00	640,000		640,000	
62	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TD	80/HĐTGT-HVN-DL	10/06/2022	LT	K65CNKTOC	CD03356	Hệ thống điện ô tô	45.00	80,000	3,600,000				45.00	3,600,000		3,600,000	
63	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TD	80/HĐTGT-HVN-DL	10/06/2022	GK	K65CNKTOC	CD03356	Hệ thống điện ô tô	2.50	80,000	200,000				2.50	200,000		200,000	
64	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TD	80/HĐTGT-HVN-DL	10/06/2022	CB	K65CNKTOC	CD03356	Hệ thống điện ô tô	6.10	80,000	488,000				6.10	488,000		488,000	
65	TG593	Trần Như	Khuyên	GVCC và TD	89/HĐTGT-HVN-CD	18/08/2022	LT	K63CKTP	CD03432	KT chế biến phụ, phế phẩm TP	22.00	80,000	1,760,000				22.00	1,760,000		1,760,000	
66	TG593	Trần Như	Khuyên	GVCC và TD	89/HĐTGT-HVN-CD	18/08/2022	TH	K63CKTP	CD03432	KT chế biến phụ, phế phẩm TP	8.00	80,000	640,000				8.00	640,000		640,000	
67	TG593	Trần Như	Khuyên	GVCC và TD	89/HĐTGT-HVN-CD	18/08/2022	GK	K63CKTP	CD03432	KT chế biến phụ, phế phẩm TP	0.20	80,000	16,000				0.20	16,000		16,000	
68	TG593	Trần Như	Khuyên	GVCC và TD	89/HĐTGT-HVN-CD	18/08/2022	CB	K63CKTP	CD03432	KT chế biến phụ, phế phẩm TP	0.50	80,000	40,000				0.50	40,000		40,000	
69	TG567	Lê Thị Minh	Tâm	GVC và TD	88/HĐTGT-HVN-CSKTĐ	08/08/2022	LT	K64CNCDDTA	CD03755	Robotics	45.00	75,000	3,375,000				45.00	3,375,000		3,375,000	
70	TG567	Lê Thị Minh	Tâm	GVC và TD	88/HĐTGT-HVN-CSKTĐ	08/08/2022	GK	K64CNCDDTA	CD03755	Robotics	2.90	75,000	217,500				2.90	217,500		217,500	
71	TG567	Lê Thị Minh	Tâm	GVC và TD	88/HĐTGT-HVN-CSKTĐ	08/08/2022	CB	K64CNCDDTA	CD03755	Robotics	7.30	75,000	547,500				7.30	547,500		547,500	
72	TG567	Lê Thị Minh	Tâm	GVC và TD	88/HĐTGT-HVN-CSKTĐ	08/08/2022	LT	K64CNCDDTA	CD03756	LT mô phỏng robot&các hệ CĐT	22.00	75,000	1,650,000				22.00	1,650,000		1,650,000	
73	TG567	Lê Thị Minh	Tâm	GVC và TD	88/HĐTGT-HVN-CSKTĐ	08/08/2022	TH	K64CNCDDTA	CD03756	LT mô phỏng robot&các hệ CĐT	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
74	TG567	Lê Thị Minh	Tâm	GVC và TD	88/HĐTGT-HVN-CSKTĐ	08/08/2022	TH	K64CNCDDTA	CD03756	LT mô phỏng robot&các hệ CĐT	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
75	TG567	Lê Thị Minh	Tâm	GVC và TD	88/HĐTGT-HVN-CSKTĐ	08/08/2022	TH	K64CNCDDTA	CD03756	LT mô phỏng robot&các hệ CĐT	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
76	TG567	Lê Thị Minh	Tâm	GVC và TD	88/HĐTGT-HVN-CSKTĐ	08/08/2022	GK	K64CNCDDTA	CD03756	LT mô phỏng robot&các hệ CĐT	3.20	75,000	240,000				3.20	240,000		240,000	
77	TG567	Lê Thị Minh	Tâm	GVC và TD	88/HĐTGT-HVN-CSKTĐ	08/08/2022	CB	K64CNCDDTA	CD03756	LT mô phỏng robot&các hệ CĐT	7.90	75,000	592,500				7.90	592,500		592,500	
78	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTGT-HVN-DL&NN	16/08/2022	LT	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000				45.00	3,150,000		3,150,000	
79	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTGT-HVN-DL&NN	16/08/2022	LT	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	45.80	70,000	3,206,000				45.80	3,206,000		3,206,000	

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Đã nhận (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
				Mã Chức danh	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)					
80	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	LT	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000			45.00	3,150,000		3,150,000	
81	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	LT	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000			45.00	3,150,000		3,150,000	
82	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	LT	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000			45.00	3,150,000		3,150,000	
83	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	LT	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	45.80	70,000	3,206,000			45.80	3,206,000		3,206,000	
84	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	LT	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000			45.00	3,150,000		3,150,000	
85	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	LT	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000			45.00	3,150,000		3,150,000	
86	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	LT	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000			45.00	3,150,000		3,150,000	
87	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	LT	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000			45.00	3,150,000		3,150,000	
88	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	GK	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000			3.00	210,000		210,000	
89	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	GK	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	3.10	70,000	217,000			3.10	217,000		217,000	
90	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	GK	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000			3.00	210,000		210,000	
91	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	GK	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000			3.00	210,000		210,000	
92	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	GK	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000			3.00	210,000		210,000	
93	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	GK	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	3.10	70,000	217,000			3.10	217,000		217,000	
94	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	GK	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000			3.00	210,000		210,000	
95	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	GK	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000			3.00	210,000		210,000	
96	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	GK	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000			3.00	210,000		210,000	
97	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	GK	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000			3.00	210,000		210,000	
98	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	CB	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000			7.50	525,000		525,000	
99	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	CB	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	7.60	70,000	532,000			7.60	532,000		532,000	
100	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	CB	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000			7.50	525,000		525,000	
101	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	CB	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000			7.50	525,000		525,000	
102	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	CB	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000			7.50	525,000		525,000	
103	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	CB	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	7.60	70,000	532,000			7.60	532,000		532,000	
104	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	CB	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000			7.50	525,000		525,000	
105	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	CB	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000			7.50	525,000		525,000	
106	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	CB	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000			7.50	525,000		525,000	
107	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	CB	T.ANH0_1	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000			7.50	525,000		525,000	



STT	Mã GV	Họ đệm	Mã lớp	Đáp đồng trình giảng		Mã loại hình	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Đã nhận (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
				Số ký hiệu	Ngày, tháng, năm				Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)					
108	TG208	Hoàng Thị	Hiện	GV và TĐ	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	LT	T.ANH1	SN01032	Tiếng Anh 1	56.30	70,000	3,941,000		56.30	3,941,000		3,941,000	
109	TG208	Hoàng Thị	Hiện	GV và TĐ	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	GK	T.ANH1	SN01032	Tiếng Anh 1	2.50	70,000	175,000		2.50	175,000		175,000	
110	TG208	Hoàng Thị	Hiện	GV và TĐ	68/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	CB	T.ANH1	SN01032	Tiếng Anh 1	6.30	70,000	441,000		6.30	441,000		441,000	
111	TG581	Ngô Thị Thanh	Tâm	GVC và TĐ	67/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	LT	T.ANH_CD	SN03012	Tiếng Anh CN Cơ-Điện	45.00	75,000	3,375,000		45.00	3,375,000		3,375,000	
112	TG581	Ngô Thị Thanh	Tâm	GVC và TĐ	67/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	LT	NHOM TG	SN03012	Tiếng Anh CN Cơ-Điện	30.00	75,000	2,250,000		30.00	2,250,000		2,250,000	
113	TG581	Ngô Thị Thanh	Tâm	GVC và TĐ	67/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	GK	T.ANH_CD	SN03012	Tiếng Anh CN Cơ-Điện	3.00	75,000	225,000		3.00	225,000		225,000	
114	TG581	Ngô Thị Thanh	Tâm	GVC và TĐ	67/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	GK	NHOM TG	SN03012	Tiếng Anh CN Cơ-Điện	0.70	75,000	52,500		0.70	52,500		52,500	
115	TG581	Ngô Thị Thanh	Tâm	GVC và TĐ	67/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	CB	T.ANH_CD	SN03012	Tiếng Anh CN Cơ-Điện	7.50	75,000	562,500		7.50	562,500		562,500	
116	TG581	Ngô Thị Thanh	Tâm	GVC và TĐ	67/HĐTG-HVN-DL&NN	16/08/2022	CB	NHOM TG	SN03012	Tiếng Anh CN Cơ-Điện	1.60	75,000	120,000		1.60	120,000		120,000	
		Tổng cộng									1,688.70		125,505,000		1,688.70	125,505,000		125,505,000	

Tổng số tiền thanh toán: 125,505,000 đồng

Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm lẻ năm ngàn đồng./.